

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN LỊCH SỬ

PHÒNG 11

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tỉnh
								HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	B K 0002	Hồ Nguyễn Sông An	05/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	UKA, Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.5			4.000	
2	B V 0005	Lê Triệu Bảo An	25/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Lịch sử	7.8	Ngữ văn	7.5	1.750	
3	A B 0009	Nguyễn Mỹ An	15/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.7	Lịch sử	9.5	2.000	
4	V B 0016	Trần Châu An	14/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Lịch sử	9.4	5.500	Nhi Lịch sử
5	B K 0025	Đặng Đình Anh	13/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.0			4.250	
6	B K 0036	Nguyễn Bùi Kiều Anh	20/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Lịch sử	8.8			0.750	
7	V B 0056	Trần Cao Văn Anh	26/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8	Lịch sử	8.7	1.500	
8	B K 0059	Trần Hoàng Mỹ Anh	15/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.1			3.250	
9	V B 0060	Trần Lê Dương Anh	16/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Ngữ văn	8.0	Lịch sử	8.3	Vắng	
10	B C 0086	Đặng Gia Bảo	06/07/2010	Nam	Nùng	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.0	Tin học	9.4	3.250	
11	B K 0097	Trần Hoàng Gia Bảo	02/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.1			4.750	
12	A B 0100	Võ Hoàng Gia Bảo	04/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Ngô Gia Tự, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Lịch sử	9.1	2.500	
13	B K 0102	Nguyễn Ngọc Khánh Băng	17/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.3			4.250	
14	S B 0106	Thân Văn Bình	24/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	8.3	Lịch sử	9.5	1.500	
15	V B 0121	Phạm Ngọc Bảo Châu	19/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Lịch sử	9.1	1.250	
16	T B 0156	Nguyễn Tiến Dũng	22/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Đinh Tiên Hoàng, Chư Prông	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	8.7	Lịch sử	9.5	0.750	
17	B V 0165	Nguyễn Thùy Dương	15/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	8.6	Ngữ văn	9.0	2.500	
18	V B 0167	Võ Thị Ánh Dương	17/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.6	Lịch sử	9.5	4.250	
19	A B 0195	Nguyễn Việt Minh Đăng	29/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Lịch sử	9.2	2.250	
20	B K 0204	Nguyễn Hữu Đức	01/01/2010	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Lịch sử	9.0			1.750	
21	V B 0212	Đặng Châu Giang	04/12/2010	Nữ	Hán	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.3	Lịch sử	9.5	3.500	Nhi Ngữ văn
22	V B 0241	Nguyễn Việt Hàn	02/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8	Lịch sử	9.6	3.750	

(Danh sách này gồm 22 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Phạm Yên Loan
Trần Lê Đông Hải
Lê Thị Xuân
Phạm Thị Bạch Tuyết

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN LỊCH SỬ

PHÒNG 12

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	B K 0248	Đỗ Ngọc	Hân	21/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	8.4			1.250	
2	B K 0249	Đoàn Hồ Ngọc	Hân	02/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	K	T	K	T	Lịch sử	9.2			4.250	
3	T B 0253	Lê Đặng Bảo	Hân	10/11/2010	Nữ	Kinh	TP. TP. Hồ Chí Minh	Trung Vương, An Khê	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.1	Lịch sử	9.1	1.250	
4	A B 0271	Trịnh Triệu Khả	Hân	08/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Lịch sử	9.3	3.500	
5	A B 0272	Trương Bảo	Hân	15/01/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Trần Phú, Pleiku	T	T	K	T	K	T	K	T	Tiếng Anh	8.4	Lịch sử	8.4	1.750	
6	B A 0279	Hoàng Ngọc	Hiền	13/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.1	Tiếng Anh	9.1	3.000	
7	V B 0282	Hà Đỗ Trung	Hiếu	13/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8	Lịch sử	9.6	5.250	
8	B K 0288	Vũ Như	Hoài	28/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	T	T	T	T	K	T	T	T	Lịch sử	9.0			1.000	
9	B K 0292	Hồ Minh	Hoàng	19/08/2010	Nam	Kinh	Thanh Hóa	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.2			1.750	
10	C B 0298	Trần Lê	Hoàng	11/05/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.0	Lịch sử	9.0	3.750	
11	B T 0300	Đỗ Việt	Hưng	27/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	K	T	K	T	T	T	Lịch sử	9.1	Toán	8.2	2.000	
12	B A 0315	Bùi Gia	Huy	02/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	K	T	K	T	K	T	Lịch sử	8.7	Tiếng Anh	8.1	1.250	
13	S B 0333	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	21/11/2010	Nữ	Kinh	Hải Dương	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	K	T	T	T	K	T	Sinh học	6.8	Lịch sử	8.5	1.750	
14	B K 0343	Nguyễn Lê Hoàng	Kha	14/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	T	T	T	T	K	T	Lịch sử	8.4			0.750	
15	C B 0345	Dương Quang	Khải	09/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	8.9	Lịch sử	8.9	0.500	
16	B K 0346	Đặng Trình Vĩnh	Khang	16/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Lịch sử	8.1			3.500	
17	B C 0357	Nguyễn Đức Minh	Khang	03/01/2010	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	T	T	K	T	Lịch sử	9.0	Tin học	8.4	0.750	
18	B C 0362	Phạm Trí	Khang	23/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	K	T	T	T	Lịch sử	8.9	Tin học	7.5	3.000	
19	B K 0371	Nguyễn Lê Bảo	Khanh	14/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	8.9			5.000	
20	S B 0374	Nguyễn Cao	Khánh	16/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	8.2	Lịch sử	9.0	Vắng	
21	S B 0378	Nguyễn Trần Gia	Khánh	18/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Kông Chro	K	T	K	T	K	T	T	T	Sinh học	8.4	Lịch sử	8.3	1.000	
22	B K 0387	Nguyễn Quốc	Khôi	16/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	8.0			0.750	

(Danh sách này gồm 22 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm: LM Phan Yên Loan
Người nhập điểm: Đỗ Trà Lê Dung Hải
Người soát điểm thứ nhất: Đỗ Xuân Quang Hà
Người soát điểm thứ hai: Đỗ Thị Bạch Tuyết

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang
Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long
Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN LỊCH SỬ

PHÒNG 13

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	B K 0392	Phạm Minh	Khuê	04/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	8.8			2.000	
2	A B 0394	Nguyễn Quang	Khương	17/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Lịch sử	9.1	2.500	
3	T B 0402	Vũ Tuấn	Kiệt	11/05/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	K	T	K	T	T	T	K	T	Toán	7.7	Lịch sử	8.0	1.000	
4	A B 0404	Nguyễn Thiên	Kim	10/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Lịch sử	9.6	Vắng	
5	V B 0411	Trần Khánh	Lâm	14/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	K	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Lịch sử	8.6	3.000	
6	B K 0413	Trịnh Trần Mai	Lâm	06/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.4			7.000	KK Lịch sử
7	A B 0420	Đào Khánh	Linh	09/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.7	Lịch sử	8.3	3.750	
8	V B 0425	Hứa Mỹ	Linh	02/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1	Lịch sử	8.8	1.750	
9	B V 0433	Nguyễn Hoàng Gia	Linh	23/05/2010	Nữ	Kinh	Đăk Lăk	Lê Văn Tám, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Lịch sử	8.7	Ngữ văn	8.8	3.250	
10	V B 0441	Phạm Nguyễn Diệu	Linh	06/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1	Lịch sử	9.2	4.000	
11	A B 0449	Ngô Thùy Bảo	Loan	25/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	T	T	K	T	K	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Lịch sử	8.6	0.500	
12	B K 0469	Đặng Thanh	Mai	22/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.7			4.250	
13	V B 0470	Lê Nguyễn Thanh	Mai	04/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.9	Lịch sử	9.2	1.250	
14	V B 0478	Phạm Thanh	Mây	01/01/2010	Nữ	Kinh	Đăk Lăk	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.4	Lịch sử	9.4	3.000	
15	B K 0485	Mai Bình	Minh	02/05/2010	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.6			4.250	
16	A B 0487	Nguyễn Nhật	Minh	13/01/2010	Nam	Kinh	Bình Định	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Lịch sử	9.1	1.000	
17	B K 0490	Phan Thanh	Minh	18/04/2010	Nam	Bahnar	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.4			4.000	
18	B K 0494	Trần Nguyễn Nhật	Minh	04/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	K	T	K	T	K	T	T	T	Lịch sử	8.1			1.250	
19	A B 0507	Nguyễn Thị Hà	My	25/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Tiếng Anh	8.5	Lịch sử	7.8	1.250	
20	A B 0508	Nguyễn Trần Hà	My	21/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Lịch sử	8.9	Vắng	
21	B V 0509	Tô Thị Thảo	My	13/10/2010	Nữ	Kinh	Đăk Nông	Phạm Hồng Thái, lagrai	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.2	Ngữ văn	8.7	3.250	
22	B K 0528	Dương Lê Bảo	Ngân	20/05/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.0			2.500	

(Danh sách này gồm 22 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Phạm Yên Loan
Trần Thị Dung Thái
Trần Thị Bạch Tuyết

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN LỊCH SỬ

PHÒNG 14

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tỉnh
								HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	B K 0546	Bùi Bảo Ngọc	01/02/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	8.4			1.000	
2	B K 0557	Nguyễn Phương Khánh Ngọc	14/04/2010	Nữ	Kinh	Hà Nội	Phú Hòa, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.5			3.500	
3	A B 0578	Nguyễn Hoài Nguyên	06/05/2010	Nữ	Kinh	Hà Nội	Tôn Đức Thắng, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Lịch sử	9.0	1.750	
4	A B 0603	Trịnh Xuân Nhân	12/12/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Lịch sử	8.5	4.500	
5	B K 0607	Võ Hoàng Nhật	19/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	H' ra, Mang Yang	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.0			3.250	
6	B K 0615	Nguyễn Lê Phương Nhi	02/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Lịch sử	8.6			2.750	
7	B K 0618	Nguyễn Ngọc Phương Nhi	12/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.0			4.500	
8	B K 0626	Phạm Thị Quỳnh Nhi	24/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.1			1.250	
9	A B 0637	Huỳnh Ngọc Anh Như	08/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	K	T	T	T	Tiếng Anh	8.8	Lịch sử	8.6	4.000	
10	B K 0653	Hà Thị Cẩm Nhung	21/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	8.9			5.000	
11	V B 0659	Ngô Lê Gia Phát	30/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Ngữ văn	7.1	Lịch sử	8.9	2.000	
12	B K 0667	Đỗ An Phú	18/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	K	T	K	T	T	T	Lịch sử	8.5			1.250	
13	B K 0679	Lã Thảo Phương	31/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Lịch sử	7.9			3.500	
14	B K 0695	Lê Tư Hoàng Quân	02/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Lịch sử	8.2			4.750	
15	V B 0712	Ngô Ngọc Quỳnh	21/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.3	Lịch sử	9.3	2.250	
16	B A 0714	Nguyễn Phạm Như Quỳnh	23/12/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.2	Tiếng Anh	9.6	4.500	
17	C B 0722	Trần Minh Sơn	25/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Tin học	8.7	Lịch sử	8.7	1.250	
18	B V 0725	Nguyễn Trí Tài	14/05/2010	Nam	Kinh	Đồng Nai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.5	Ngữ văn	8.8	6.500	
19	B A 0734	Đỗ Quốc Thái	26/07/2010	Nam	Kinh	Bình Định	Trưng Vương, Pleiku	K	T	T	T	K	T	T	T	Lịch sử	8.6	Tiếng Anh	8.9	2.250	
20	B K 0740	Lê Hoài Thanh	11/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.4			5.250	
21	B K 0763	Trần Hưng Thông	14/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.0			2.000	
22	B C 0768	Ngô Khánh Thư	04/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	8.5	Tin học	9.1	4.250	

(Danh sách này gồm 22 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Phan Văn Loan
Phạm Trà Li Đặng Hải
Trần Văn Cường
Đỗ Thị Bạch Tuyết

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN LỊCH SỬ

PHÒNG 15

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	V B 0779	Đỗ Hoài	Thương	08/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An, Chư Prông	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.2	Lịch sử	9.5	3.000	
2	V B 0781	Mai Hà	Thương	02/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.9	Lịch sử	9.1	2.750	
3	V B 0784	Nguyễn Phương	Thúy	19/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.6	Lịch sử	9.3	4.250	
4	B K 0792	Võ Nguyễn Đan	Thy	10/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	8.4			5.000	
5	V B 0798	Nguyễn Lưu Cát	Tiên	07/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.3	Lịch sử	9.6	3.750	
6	B V 0810	Đặng Xuân	Toàn	26/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.8	Ngữ văn	9.0	5.750	Nhi Lịch sử
7	A B 0829	Nguyễn Bảo	Trần	26/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.3	Lịch sử	9.0	4.750	
8	V B 0834	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	05/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8	Lịch sử	7.9	1.500	
9	B A 0849	Tô Đình	Triệu	12/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Lịch sử	9.2	Tiếng Anh	9.2	4.250	
10	B V 0852	Huỳnh Thùy	Trúc	01/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.1	Ngữ văn	7.7	3.250	
11	B K 0853	Nguyễn Phan Thanh	Trúc	08/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.2			3.500	
12	B A 0861	Lại Gia	Tuệ	19/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	K	T	K	T	Lịch sử	7.8	Tiếng Anh	9.0	1.500	
13	B V 0870	Võ Ngô Thanh	Tuyền	19/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.8	Ngữ văn	9.2	5.000	Ba Lịch sử
14	V B 0879	Huỳnh Thị Thảo	Uyên	28/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Lịch sử	8.9	3.000	
15	B K 0884	Phan Lê Khánh	Uyên	18/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	K	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	8.7			2.750	
16	V B 0890	Tạ Thị Yến	Vân	26/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8	Lịch sử	8.3	0.750	
17	B K 0894	Nguyễn Ngọc Hùng	Vĩ	13/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.9			5.750	Ba Lịch sử
18	V B 0917	Trần Nguyễn Minh	Vy	03/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Ngữ văn	7.6	Lịch sử	8.2	0.500	
19	B T 0919	Mai Thị Hồng	Xuyến	11/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Quốc Tuấn, Đăk Pơ	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.4	Toán	9.4	2.250	

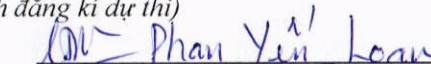
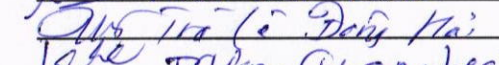
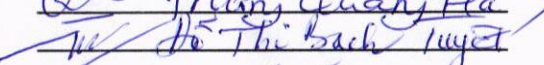
(Danh sách này gồm 19 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:


Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long